TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/8/2025
V/v "*Ly hôn giữa bà P và ông T*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Đinh Mai Kim P,** sinh ngày 17/12/1991

CC: A

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh T**, sinh ngày 02/10/1990.

CMND: B

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

Bà P yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 18/8/2025, bà Đinh Mai Kim P trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/8/2011 do tự nguyện. Quá trình chung sống

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông T đánh đập bà. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 03 con chung và yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể có mặt trong những lần Tòa án triệu tập để giải quyết, xét xử vụ án nên yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bà, cam kết không khiếu nại về sau.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Nguyễn Minh T tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Minh T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Đ cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Mai Kim P

- Về hôn nhân: bà Đinh Mai Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T

- Về con chung: sau khi ly hôn, bà P được trực tiếp nuôi ba con chung tên Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018. Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấo dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét

- Án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Mai Kim P khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Minh T, quan hệ tranh chấp giữa bà Đinh Mai Kim P và ông Nguyễn Minh T là tranh chấp về ly hôn. Ông T đang cư trú tại phường A, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn bà Đinh Mai Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần

nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Đinh Mai Kim P và bị đơn ông Nguyễn Minh T

[2]Về nội dung: Bà P và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/8/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà P, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông T đánh đập bà. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long) đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà P và ông T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà P. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: bà P và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018. Bà P yêu cầu được nuôi 03 con chung. Tại biên bản hỏi ý kiến con ngày 21/5/2025, cháu Nguyễn Ngọc N có nguyện vọng sống chung với cha. Cháu Nguyễn Quốc K và cháu Nguyễn Đăng K1 không trả lời khi được hỏi về nguyện vọng được sống chung với cha hay mẹ nên không lấy được ý kiến của hai cháu. Xét thấy, tuy cháu N có nguyện vọng được sống chung với cha nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T không có yêu cầu về việc được nuôi con chung sau khi ly hôn. Các cháu hiện do bà P chăm sóc, có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của của con chung, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà P yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ theo Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018.

Về mức cấp dưỡng, căn cứ theo quy định tại khoản 02 Điều 7 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và Nghị đinh 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ, Hội đồng xét xử buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018 theo mức cấp dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của ông T là phường A, tỉnh Vĩnh Long là 2.205.000đồng/tháng/cháu cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí : căn cứ theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng.

- Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Đinh Mai Kim P và ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc K sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Ngọc N sinh ngày 10/8/2013 và Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 02/6/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.205.000 (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0008019 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- UBND xã L
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương